

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2025

"Về việc: Hủy việc kết hôn trái pháp luật".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 -HẢI PHÒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hiền và bà Trần Thị Khanh.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 -Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Xoa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 12 -Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 52/2025/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2025; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa ngày 08 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự.

1.Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh ngày 23/02/2001.

ĐKKH: thôn LX, xã MĐ, thành phố Hải Phòng.

Nơi cư trú: Khu 5, xã KS, thành phố Hải Phòng.

2.Bị đơn: Anh Bùi Đức N, sinh năm 1992.

Địa chỉ: thôn LX, xã MĐ, thành phố Hải Phòng.

3.Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Bùi Đức A, sinh năm 1966 và Trần Thị Q, sinh năm 1972.

Địa chỉ: thôn LX, xã MĐ, thành phố Hải Phòng.

3.2. UBND xã Mao Điền, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Xuân K - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã Mao Điền.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Kiều: Ông Lương Đình H -Chức vụ: Chánh Văn phòng HĐND - UBND xã Mao Điền (theo Giấy ủy quyền ngày 03/9/2025).

(Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị D; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông A bà Q; đại diện theo ủy quyền của UBND xã Mao Điền: ông Hiền đều có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn anh N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai; đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị Dtrình bày:

Chị và anh Bùi Đức N được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 13/4/2016 tại UBND xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã Mao Điền, thành phố Hải Phòng) và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Tuy nhiên tại thời điểm kết hôn chị chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, khi đến UBND xã làm thủ tục kết hôn chị đã khai vào tờ khai đăng ký kết hôn mà cán bộ xã đưa cho chị thì chị khai sinh ngày 31/3/1997 để đủ tuổi kết hôn, cán bộ chuyên môn của xã đã căn cứ vào tờ khai đăng ký kết hôn này để làm thủ tục kết hôn, cấp Giấy chứng nhận kết hôn cho chị và anh N. Quá trình chung sống anh chị sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2023 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, bản thân anh N mãi chơi không quan tâm, không có trách nhiệm gì với gia đình. Mâu thuẫn của anh chị xảy ra bố mẹ hai bên gia đình đều biết động viên hòa giải nhưng không được cải thiện, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt ngày càng có khoảng cách. Do cuộc sống không hạnh phúc chị, anh N sống ly thân từ tháng 9 năm 2023 đến nay, trong thời gian sống ly thân mỗi người một nơi anh chị không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm. Nay chị xác định không còn tình cảm, hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Đức N.

Quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, chị được Tòa án giải thích quy định của pháp luật về điều kiện đăng ký kết hôn thì tại thời điểm chị và anh N đăng ký kết hôn do chị chưa đủ tuổi nên đã vi phạm điều kiện kết hôn. Do không am hiểu pháp luật nên chị chỉ biết làm đơn ly hôn để chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh N, theo quy định hiện hành chị nhất trí đề nghị Tòa án tuyên hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh N.

Về con chung: Chị và anh N có hai con chung là Bùi Thị Hương G, sinh ngày 12/7/2016 và Bùi Đức K, sinh ngày 14/9/2018. Từ khi chị và anh N

sống ly thân tháng 9 năm 2023 đến nay mỗi người một nơi, anh N đi làm xa không có nhà thì hai con chung của anh chị đều sinh sống cùng với bố mẹ đẻ anh N là ông Bùi Đức A, bà Trần Thị Q là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung của anh chị vẫn phát triển tốt về mọi mặt, hơn nữa theo nguyện vọng của các con đã sinh sống ổn định với anh N, ông bà nội nên chị không muốn làm xáo trộn cuộc sống của các con khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh N được nuôi dưỡng hai con chung đến khi thành niên. Trong thời gian anh N đi làm xa không có nhà thì đề nghị Tòa án tạm giao hai con chung cho ông A bà Q nuôi dưỡng đến khi anh N đi làm về thì ông bà có trách nhiệm giao lại hai con cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Do công việc của chị bận nên chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt tại phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần cho anh N nhưng anh N đều không đến Tòa án làm việc, vắng mặt tại nơi cư trú không có quan điểm về việc giải quyết vụ án. Cán bộ Tòa án cùng đại diện chính quyền địa phương đến nhà ông A bà Q (bố mẹ đẻ anh N) tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh N như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh N vắng mặt tại nơi cư trú. Ông A bà Q là người trực tiếp nhận thay ký vào biên bản giao nhận các văn bản tố tụng. Đồng thời Tòa án làm thủ tục niêm yết toàn bộ văn bản theo đúng trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh N không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của chị D. Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương cũng như lấy lời khai của trưởng thôn, những người hàng xóm, người thân hai bên gia đình đều khẳng định: tại thời điểm giải quyết vụ án anh N vẫn có hộ khẩu thường trú tại thôn LX, xã MĐ, thành phố Hải Phòng chưa làm thủ tục chuyển khẩu, cắt khẩu đi nơi khác.

Tại Công văn số 1802/QLXNC ngày 16/6/2025 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh - Công A tỉnh Hải Dương (nay là Công A thành phố Hải Phòng) về kết quả tra cứu thông tin xuất nhập cảnh trả lời: Trường hợp anh Bùi Đức Ninh xuất cảnh lần gần đây nhất vào ngày 27/9/2018 qua Sân bay Nội Bài chưa có thông tin nhập cảnh của lần xuất cảnh này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Đức A, bà Trần Thị Q trình bày: Ông bà là bố mẹ đẻ của anh N. Anh N, chị D được tự do tìm hiểu tự nguyện đăng ký kết hôn, thời điểm đăng ký kết hôn và tổ chức đám cưới thì ông bà không biết chị D chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với ông bà. Nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị là do bất đồng về quan điểm, tính cách, lối sống, bản thân anh N ham chơi không quan tâm đến vợ con. Khi biết được mâu thuẫn ông bà cũng hàn gắn động viên cho anh chị nhưng không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng. Tháng 8 năm 2023 chị D bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, anh N sang tìm đón để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung nhưng chị D không về. Tháng 9 năm 2023 anh N đi làm xa ông bà không biết địa chỉ cụ thể của anh N ở đâu, thỉnh thoảng anh N vẫn liên lạc với ông bà qua điện thoại từ số của anh N 0374.077.992 đến số điện thoại của ông bà 0979.809.881, do vậy ông bà khẳng định anh N vẫn sinh sống tại Việt Nam, bởi vì ông bà có thông tin hàng tháng anh N vẫn đi làm đóng bảo hiểm xã hội lần đóng bảo hiểm gần đây nhất là tháng 7 năm 2025. Sau khi nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án tố tụng đặt cho anh N ông bà đã liên hệ bằng điện thoại để thông báo cho anh N biết nắm được nội dung khởi kiện của chị D, còn anh N có đến Tòa án hay không thì ông bà không biết.

Năm 2018 anh N có xuất cảnh đi lao động tại Nhật Bản để trang trải thêm kinh tế cho gia đình, sau đó đến tháng 9 năm 2020 hết hợp đồng lao động thì về nước, thời gian này cả nước đang bị ảnh hưởng của dịch Covid 19 nên anh N về nước phải cách ly tại Nghệ An với thời gian 14 ngày. Việc anh N nhập cảnh về Việt Nam qua đường tiểu ngạch hay chính ngạch qua sân bay thì ông bà không biết. Khi về nước được khoảng 02 tháng thì anh N xin làm tại công ty Giày Ngọc Hưng - Khu công nghiệp VSIP Phúc Điền anh chị chung sống từ khi về nước đến tháng 8 năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn và không chung sống cùng nhau nữa. Sau khi ông bà nhận thay Quyết định đưa vụ án ra xét xử có gọi điện cho anh N và xảy ra cãi nhau từ đó anh N chặn điện thoại của ông bà, gia đình không ai liên lạc được. Về con chung: anh chị có hai con chung là Bùi Thị Hương G, sinh ngày 12/7/2016 và Bùi Đức K, sinh ngày

14/9/2018. Từ khi chị D bỏ về mẹ đẻ sinh sống, anh N đi làm không có nhà thì hai con chung của anh chị do ông bà trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh N được nuôi dưỡng hai con chung đến khi thành niên và ông bà có trách nhiệm chăm sóc các cháu trong thời gian anh N đi làm không có nhà. Ông bà không yêu cầu anh N chị D có nghĩa vụ thanh toán bất cứ khoản tiền gì cho ông bà.

Tại biên bản lấy lời khai đại diện gia đình chị D trình bày: Anh N và chị D được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện không bên nào bị lừa dối, cưỡng ép. Thời điểm ngày 13/4/2016 anh chị đăng ký kết hôn chị D chưa đủ tuổi kết hôn nhưng vì chị đang mang bầu 06 tháng nên khi đến đăng ký kết hôn đã khai tăng tuổi để đủ tuổi kết hôn. Cuộc sống anh chị hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể thì bà không nắm được, chị D về chơi tâm sự vợ chồng hay cãi nhau, anh N ham chơi không có trách nhiệm với gia đình. Khi biết được mâu thuẫn bà cũng động viên nhưng chỉ được một thời gian ngắn anh chị lại xảy ra mâu thuẫn. Tháng 8 năm 2023 do cuộc sống không hạnh phúc chị D về nhà bà sinh sống, trong thời gian anh chị sống ly thân anh chị có liên lạc với nhau để hàn gắn tình cảm không thì bà không biết. Tháng 9 năm 2018 anh N đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản đến tháng 9 năm 2020 anh N về nước và xin đi làm công ty. Hiện nay bà không biết anh N đi đâu làm gì. Về con chung: anh chị có hai con chung là Bùi Thị Hương G, sinh ngày 12/7/2016 và Bùi Đức K, sinh ngày 14/9/2018. Hiện nay con chung của anh chị còn nhỏ đang do bố mẹ anh N trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại biên bản lấy lời khai của cháu Bùi Thị Hương G và cháu Bùi Đức K đều trình bày: Chúng cháu là con bố Ninh, mẹ Duyên và đang học trường Tiểu học Phúc Điền. Trong cuộc sống hàng ngày bố mẹ hay xảy ra cãi nhau, nguyên nhân cụ thể thì các cháu không nắm được. Bố mẹ chúng cháu sống ly thân từ tháng 9 năm 2023 đến nay mỗi người một nơi. Mẹ chúng cháu về bà ngoại sinh sống, còn bố cháu đi làm xa, đối với các khoản đóng góp với nhà trường kể từ khi bố mẹ cháu sống ly thân thì ông bà nội chăm lo cho chúng cháu. Nếu bố mẹ chúng cháu giải quyết ly hôn thì nguyện vọng của chúng cháu muốn được tiếp tục chung sống cùng bố, ông bà nội, bởi vì chúng cháu đang quen với môi trường thầy cô bạn bè nên không muốn làm xáo trộn cuộc sống.

Tòa án tiến hành xác minh tại Công A xã Phúc Điền Phúc (nay là Công A xã Mao Điền): Chị D, anh Ninh vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương và đăng ký hộ khẩu tại gia đình ông Bùi Đức An. Hiện nay anh N đi

làm xa không có nhà, chị D không sinh sống cùng nhà với ông A mà đã chuyển về mẹ đẻ chị D ở Khu 5, xã KS, thành phố Hải Phòng (chưa làm thủ tục chuyển khẩu về xã KS). Các con của anh N, chị D vẫn đang sinh sống cùng với gia đình ông A, bà Q. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tòa án tiến hành lấy lời khai của đại diện UBND xã và tiến hành xác minh tại UBND xã và kiểm tra sổ đăng ký kết hôn được lưu trữ tại UBND xã thể hiện: Qua theo dõi toàn bộ hệ thống sổ sách, tài liệu liên quan đến đăng ký kết hôn của UBND xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương được lưu trữ tại UBND xã thể hiện: Số thứ tự 22 quyển số 01/2016 ghi họ tên vợ Nguyễn Thị D, sinh ngày 31/3/1997 và họ tên chồng Bùi Đức N sinh ngày 28/9/1992 có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương vào ngày 13/4/2016. Việc mâu thuẫn của anh chị như thế nào địa phương không nắm được. Nay chị D làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết. Hiện nay chị D không sinh sống cùng anh N mà đã về nhà mẹ đẻ tại khu 5, xã KS, thành phố Hải Phòng sinh sống. Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Bùi Thị Hương G, sinh ngày 12/7/2016 và Bùi Đức K, sinh ngày 14/9/2018, hiện đang do bố mẹ đẻ anh N là ông A, bà Q trực tiếp nuôi dưỡng. Trong trường hợp anh chị có tranh chấp không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con thì đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết. Tuy nhiên việc giao con một bên trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục phải căn cứ vào điều kiện mọi mặt tốt nhất của con chung để con chung được phát triển một cách tốt nhất về vật chất cũng như tinh thần.

Quá trình giải quyết vụ án, chị D cung cấp cho Tòa án: Căn cước công dân; đơn xác nhận dân sự; xác nhận thông tin về cư trú thì đều thể hiện chị Nguyễn Thị D, sinh ngày 23/02/2001. Sau đó Tòa án đối chiếu thời điểm kết hôn ngày 13/4/2016 thì chị D chưa đủ tuổi kết hôn. UBND xã xác định thời điểm anh chị đăng ký kết hôn thì thủ tục chưa quy định chặt chẽ mà chỉ căn cứ vào tờ khai của công dân kê khai để đăng ký kết hôn theo tờ khai thông tin cá nhân mà chị D cung cấp chị D sinh ngày 31/3/1997, anh N sinh ngày 28/9/1992 đủ tuổi để kết hôn theo quy định pháp luật, sau đó công dân nộp cho cán bộ chuyên môn về tư pháp hộ tịch thì cán bộ căn cứ vào tờ khai đó để đăng ký kết hôn và trình lãnh đạo ký duyệt vào sổ đăng ký kết hôn. Do đó UBND xã Cẩm Phúc đã cấp Giấy chứng nhận kết hôn cho anh chị.

Đôi chiếu với ngày tháng năm sinh trên căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị D nộp cho Tòa án mà Tòa án photô gửi cho UBND xã thì chị D sinh ngày 23/02/2001 có sự chênh lệch ngày tháng năm sinh với Giấy chứng nhận kết hôn đã cấp thì chị D sinh ngày 31/3/1997. Như vậy ngày 13/4/2016 chị D đăng ký kết hôn lần 1 lúc đó mới 15 tuổi 01 tháng 21 ngày là chưa đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn; vi phạm điều kiện đăng ký kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình. Quan điểm của UBND xã: Đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị D và anh N.

** Lời khai của những người làm chứng trình bày:*

+ *Lời khai của ông Lê Đức Tuấn trình bày:* Ngày 13/4/2026 anh N, chị D đến UBND xã Cẩm Phúc để làm thủ tục đăng ký kết hôn. Trước khi đăng ký kết hôn, anh chị phải kê khai vào Giấy đăng ký kết hôn, sau đó căn cứ vào tờ khai đó để vào sổ và trình lãnh đạo UBND xã ký. Thời điểm đó do tin tưởng vào tờ khai của chị D nên việc kiểm tra các giấy tờ tùy thân chưa chặt chẽ nên dẫn đến việc đăng ký kết hôn cho chị D với anh N khi chị D chưa đủ tuổi kết hôn.

+ *Lời khai của ông Vũ Văn Thọ trình bày:* Ông giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng từ năm 2010 sau đó đến tháng 2/2020 thì chuyển sang công tác Đảng ủy xã Phúc Điền, giữ chức vụ Bí thư và sau đó chuyển công tác khác. Sau khi được Tòa án cho xem các giấy tờ, tài liệu như: Căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị D; xác nhận thông tin về cư trú: Đơn xin xác nhận dân sự đều thể hiện chị Nguyễn Thị D sinh ngày 23/02/2001. Tuy nhiên tại Trích lục đăng ký kết hôn thể hiện chị Nguyễn Thị Duyên sinh ngày 31/3/1997 và được đăng ký vào ngày 13/4/2016 thì lúc đó chị D chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật. Khi đến kết hôn tại UBND xã chị D đã tự khai tăng tuổi từ sinh năm 2001 thành sinh năm 1997, đồng thời việc kiểm tra giấy tờ tùy thân thời điểm đó chưa chặt chẽ nên vẫn tin tưởng vào lời khai của chị D, sau đó cán bộ chuyên môn phụ trách tư pháp hộ tịch trình lên thì ông ký, đóng dấu của UBND xã nên UBND xã đã đăng ký kết hôn cho chị D, anh N vào ngày 13/4/2016.

+ *Lời khai của ông Nguyễn Trọng Trỗi trình bày:* Ông là phó trưởng thôn đồng thời là công A viên của xã từ năm 2018 đến nay. Từ khi anh chị kết hôn đến khi sinh hai cháu thì vẫn sinh sống cùng nhà với vợ chồng ông A. Sau khi kết hôn anh N đi xuất khẩu lao động, hết hợp đồng thì về nước. Khoảng đến tháng 9 năm 2023 ông không thấy chị D sinh sống cùng nhà với vợ chồng ông A mà chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, anh N bỏ đi làm xa, thỉnh thoảng gia đình ông A có việc, giỗ hay lễ tết

thì anh N vẫn về nhà. Hàng tháng anh N vẫn gửi tiền về cho ông A để chi phí sinh hoạt hàng ngày, đóng học cho các cháu. Về con chung: anh chị có hai con chung là Bùi Thị Hương G và Bùi Đức K, tháng 9 năm 2023 chị D không sinh sống tại địa phương hai con chung của anh chị vẫn do ông A bà Q nuôi dưỡng phát triển tốt về mọi mặt. Hiện nay anh N, chị D vẫn có khẩu tại địa phương, chưa làm thủ tục chuyển khẩu, cắt khẩu đến nơi nào khác. Anh N hiện nay làm gì, ở đâu thì ông không biết nhưng ông vẫn thấy thỉnh thoảng anh N về nhà thăm con chung.

+ *Lời khai của chị Vũ Thị Tình và anh Nguyễn Viết Thọ* đều trình bày: Gia đình ông bà sinh sống cạnh nhà gia đình ông A. Anh N chị D được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn và chung sống cùng nhà với ông A bà Q. Cuộc sống của anh chị xảy ra mâu thuẫn thế nào thì ông không nắm được. Thời gian đầu mới cưới nhau được hơn một năm thì anh N đi xuất khẩu lao động, sau đó hết hợp đồng thì trở về địa phương và đi làm công ty. Sau đó vợ chồng mâu thuẫn, anh chị không tìm biện pháp để hàn gắn mà sống ly thân mỗi người một nơi. Tháng 9 năm 2023 chị D bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, còn anh N bỏ đi làm xa, hàng tháng vẫn gửi tiền về cho ông A bà Q để trang trải sinh hoạt hàng ngày, đóng học cho các con của anh chị. Anh chị có hai con chung là Bùi Thị Hương G và Bùi Đức K. Hiện nay hai cháu đang do ông A, bà Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vẫn phát triển tốt về mọi mặt.

Tại phiên toà,

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D (thông qua đơn xét xử vắng mặt): Đề nghị Tòa án tuyên hủy việc đăng ký kết hôn giữa chị và anh N trái pháp luật, bởi vì thời điểm đăng ký kết hôn ngày 13/4/2016 chị chưa đủ độ tuổi để kết hôn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh N được nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên. Hiện nay anh N không có mặt tại nơi cư trú thì đề nghị Tòa án tạm giao hai con chung là Bùi Thị Hương G; Bùi Đức K cho ông A, bà Q trực tiếp nuôi dưỡng trong thời gian anh N đi vắng. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Đức Ninh vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Đức A, bà Nguyễn Thị Quyên (thông qua đơn xét xử vắng mặt): Từ tháng 9 năm 2023 anh N, chị D sống ly thân mỗi người một nơi, đến khi anh N đi làm không có nhà thì cháu Giang cháu Khôi vẫn chung sống cùng với ông bà. Đề nghị Tòa án tạm giao cháu Giang, cháu Khôi cho ông bà trực tiếp nuôi dưỡng trong thời gian anh N không có nhà, đến khi anh N đi làm về thì ông bà sẽ có trách nhiệm bàn giao

lại cháu Giang, cháu Khôicho anh N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Trong thời gian ông bà trông nom nuôi dưỡng hai cháu thì ông bà tự nguyện không yêu cầu chị D, anh N phải có nghĩa cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng ông bà.

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã Mao Điền (thông qua đơn xét xử vắng mặt) có quan điểm: Đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị D và anh Bùi Đức N; Hủy giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyền số 01 ngày 13/4/2016 của Ủy ban nhân dân xã Cẩm Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 -Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không xác định được địa chỉ. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 51, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị D và anh Bùi Đức N.

- Về con chung: Giao con chung là Bùi Thị Hương G, sinh ngày 12/7/2016 và Bùi Đức K, sinh ngày 14/9/2018 cho anh Bùi Đức N chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên. Tạm giao con chung là Bùi Thị Hương G và Bùi Đức K cho ông Bùi Đức A và bà Trần Thị Q nuôi dưỡng trong thời gian anh N không có mặt tại địa phương, chấp nhận sự tự nguyện của anh N, ông A, bà Q không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung đến khi các con chung thành niên.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, con chung. Sau đó chị D đề nghị Tòa án tuyên hủy việc đăng ký kết hôn giữa chị và anh N trái pháp luật. Xác định đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Bùi Đức N là bị đơn hiện nay có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn Lê Xá, xã Phúc Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (nay là thôn LX, xã MĐ, thành phố Hải Phòng). Theo công văn số 1802/QLXNC ngày 16/6/2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công A tỉnh Hải Dương (nay là Công A thành phố Hải Phòng) thì ngày 27/9/2018 anh N đã xuất cảnh qua sân bay Nội Bài chưa có thông tin nhập cảnh; căn cứ khoản 7 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5 Nghị quyết số 01 ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 -Hải Phòng.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành các biện pháp để thu thập chứng cứ: Triệu tập bị đơn anh N, việc cấp tổng đạt thông báo văn bản tố tụng cho anh N không thực hiện được bằng phương pháp trực tiếp mà tổng đạt trực tiếp các văn bản cho ông A bà Q (là bố mẹ đẻ anh N) nhận thay, ngoài ra Tòa án còn làm thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh N đều vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 5/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì trường hợp của anh N được xác định là cố tình giấu địa chỉ. Nguyên đơn chị D; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông A, bà Q; đại diện theo ủy quyền của UBND xã Mao Điền đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành giải quyết theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Bùi Đức N được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã Mao Điền, thành phố Hải

Phòng) vào ngày 13/4/2016. Sau khi tổ chức đám cưới anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2023 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về lối sống, tính cách dẫn đến anh chị thường xuyên cãi nhau làm cho tình cảm lạnh nhạt rạn nứt ngày càng có khoảng cách. Bản thân anh N mãi chơi không quan tâm đến vợ con, không có trách nhiệm với gia đình. Do cuộc sống không hạnh phúc tháng 9 năm 2023 chị bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống và sống ly thân với anh N từ đó đến nay, trong thời gian sống ly thân mỗi người một nơi anh chị không quan tâm, không có biện pháp hàn gắn tình cảm. Lời trình bày về mâu thuẫn của chị phù hợp với lời trình bày của hai bên gia đình. Tòa án đã nhiều lần triệu tập báo gọi anh N có mặt tại Tòa án để viết bản tự khai trình bày quan điểm của mình và tiến hành hòa giải nhưng anh đều vắng mặt, điều đó khẳng định anh không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh N không có mặt tại nơi cư trú, không xác định được địa chỉ và không làm việc được với anh N.

Kết quả Tòa án thu thập chứng cứ: Các tài liệu mang tên Nguyễn Thị D như: Căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị D cấp ngày 06/4/2021 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp; Sổ hộ khẩu gia đình quyền 02, tờ số 18 cấp ngày 28/5/2007 mang tên chủ hộ Cao Thị Thúy do Công A thị trấn Kê Sắt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương (cũ) cấp; Học bạ tiểu học Trường tiểu học Kê Sắt đều thể hiện Nguyễn Thị D, sinh ngày 23/02/2001. Quá trình giải quyết vụ án, chị D khẳng định chị sinh ngày 23/02/2001 là đúng phù hợp với các giấy tờ tùy thân của chị. Tại xác nhận thông tin về cư trú; giấy chứng nhận kết hôn thể hiện Nguyễn Thị D sinh ngày 31/3/1997, anh N sinh ngày 28/9/1992 là do làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã Mao Điền, thành phố Hải Phòng) vào ngày 13/4/2016 thời điểm đó chị D mới 15 tuổi 01 tháng 21 ngày chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đã khai tăng tuổi từ sinh năm 2001 thành sinh năm 1997. Trường hợp có căn cứ xác định việc kết hôn giữa chị D và anh N vi phạm điều kiện kết hôn thì chị nhất trí hủy kết hôn trái pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì “*Trường hợp tại thời điểm kết hôn, hai bên kết hôn không có đủ điều kiện kết hôn nhưng sau đó có đủ điều kiện kết hôn quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình thì Tòa án xử lý như sau: ...Hoặc có một bên yêu cầu ly hôn còn bên kia không có yêu cầu thì Tòa án quyết định hủy việc kết hôn trái pháp luật*”. Trên

cơ sở nhận định, đánh giá như trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị D và anh Bùi Đức N do Ủy ban nhân dân xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tổ chức ngày 13/4/2016 và Hủy giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyền số 01 ngày 13/4/2016 của Ủy ban nhân dân xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã Mao Điền, thành phố Hải Phòng).

[2.2]. Về con chung: Quá trình anh chị chung sống cùng nhau có hai con chung là Bùi Thị Hương G, sinh ngày 12/7/2016 và Bùi Đức K, sinh ngày 14/9/2018. Hiện cả hai con chung đang sinh sống cùng với ông Bùi Đức A, bà Trần Thị Q (là ông bà nội) tại thôn LX, xã MĐ, thành phố Hải Phòng. Xét nguyện vọng của hai con chung đều muốn tiếp tục chung sống cùng với anh N, ông bà nội. Khi giải quyết vụ án chị D có quan điểm không có nguyện vọng nuôi con và đề nghị giao hai con chung cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Xét về điều kiện thực tế việc trông nom chăm sóc nuôi dưỡng con chung từ khi chị D không sinh sống cùng với anh N thì con chung của anh chị vẫn sinh sống cùng với ông A bà Q. Việc nuôi dưỡng hai cháu vẫn phát triển tốt về mọi mặt, ổn định cuộc sống. Tuy nhiên anh N đi làm vắng mặt tại địa phương nên tạm giao cháu Giang, cháu Khôi cho ông A bà Q nuôi dưỡng và ông A bà Q nhất trí, tự nguyện không yêu cầu chị D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Để đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho con chung không làm xáo trộn cuộc sống của cháu Giang, cháu Khôi, Hội đồng xét xử tạm giao con chung của anh chị là Bùi Thị Hương G, Bùi Đức K cho ông A bà Q trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng trong thời gian anh N vắng mặt tại địa phương đến khi anh N về thì ông bà sẽ giao lại cháu Giang, cháu Khôi cho anh N nuôi dưỡng là phù hợp với các quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tế. Các đương sự không có yêu cầu về cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung và công sức: Chị D xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về án phí: Nguyên đơn chị D khởi kiện vụ án dân sự sơ thẩm nên phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[2.5]. Các vấn đề khác: Đối với vi phạm của UBND xã Cẩm Phúc (nay là xã Mao Điền) trong việc đăng ký kết hôn trái pháp luật cho anh N kết hôn với chị D khi chị D mới được 15 năm 01 tháng 21 ngày chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đồng thời anh N (đã

đủ 18 tuổi) có hành vi quan hệ tình dục với chị D làm cho chị D có thai sinh cháu Giang lúc này chị D mới được 15 năm 04 tháng 19 ngày. Hành vi của anh N có dấu hiệu của tội "Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi" theo quy định tại Điều 145 Bộ luật Hình sự. Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng đã có công văn số 443/2025/CV-TA ngày 15/9/2025 trao thông tin xem xét người có dấu hiệu tội phạm đến Văn phòng Cơ quan CSĐT Công An thành phố Hải Phòng để giải quyết theo thẩm quyền.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 51; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ- HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số điều của pháp luật trong giải quyết vụ việc Hôn nhân gia đình; Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ- HĐTP ngày 27/6/2025 hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị D và anh Bùi Đức N do UBND xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tổ chức ngày 13/4/2016 (nay là UBND xã Mao Điền, thành phố Hải Phòng); Hủy giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01 cấp ngày 13/4/2016 của Ủy ban nhân dân xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã Mao Điền, thành phố Hải Phòng).

2. Về con chung: Giao con chung là Bùi Thị Hương G, sinh ngày 12/7/2016 và Bùi Đức K, sinh ngày 14/9/2018 cho anh Bùi Đức N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Trong thời gian anh N vắng mặt không có nhà thì tạm giao cháu Giang, cháu Khôi cho ông Bùi Đức A, bà Trần Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi anh N về thì ông A, bà Q có trách nhiệm nghĩa vụ giao lại cháu Giang, cháu Khôi cho anh N nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của anh N, ông A, bà Q không yêu cầu chị D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23 số 0007421 ngày 28/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng (nay là Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng). Chị Nguyễn Thị D đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị D, bị đơn anh N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông A, bà Q; UBND xã Mao Điền vắng mặt có quyền kháng cáo bản án (phần có liên quan) trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND Khu vực 12- Hải Phòng;*
- *THADS thành phố Hải Phòng;*
- *UBND xã Mao Điền, thành phố Hải Phòng (để ghi vào sổ hộ tịch);*
- *Lưu Hồ sơ vụ án;*
- *Lưu Văn phòng Tòa án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân Hà

